

Thủy Quân Lục Chiến
Robert Lửa -
Trung Tá Nguyễn Xuân Phúc.

Captovan, K19

TQLC Nguyễn Xuân Phúc tốt nghiệp Khóa 16 Trường Võ Bị, đời binh nghiệp của Anh đã được đồng đội và thân hữu mến phục qua các bài viết, tôi xin trích một số đoạn trong các bài viết của đồng môn và đồng đội TQLC.

(tiếp theo)

Trâu Diên Trưởng Đại Tá Ngô Văn Định

Khi tôi về làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 thay Ông Lê Hằng Minh tử trận tháng 6/1966 thì Ông Hay Chùa làm TĐP, Phúc làm Đại Đội Trưởng Đại Đội 4. Tôi đề nghị với Tư Lệnh cho Ông Chùa về Sư Đoàn để ông Phúc làm Tiểu Đoàn Phó.

Ngay những ngày đầu hành quân ở khu Cồn Thiên Gio Linh Quảng Trị, tôi đã biết được Nguyễn Xuân Phúc, Tiểu Đoàn Phó là một sĩ quan gan dạ và là cấp chỉ huy mà tôi có nhiều cảm tình. Đến năm 1967, tôi đề nghị cho anh đi học Chỉ Huy Tham Mưu. Đi học về, vì nhu cầu anh được làm Tiểu

Đoàn Phó Tiểu Đoàn 5 TQLC, đánh trận Rạch Ruộng, một trận chiến thắng lớn của Tiểu Đoàn 5 năm 1968. Sau đó anh được đi nhận chức Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 6 hành quân Mậu Thân ở Gia Định.

Năm 1969, tôi bị thương nặng nên anh lãnh trách nhiệm chỉ huy Tiểu Đoàn 2 thay tôi. Năm 1970, Tiểu Đoàn 2 do anh chỉ huy trong trận Prevang ở Miên, đã đem về cho hiệu kỳ tiểu đoàn một ngành Dương Liễu. Đây là Dương Liễu thứ 8 nên tiểu đoàn ược mang dây biểu chương màu Tam Hợp.

Năm 1971 anh dẫn Trâu Điền sang Hạ Lào, được thăng trung tá và vẫn coi Tiểu Đoàn 2 cho đến khi đánh vào Quảng Trị năm 1972 thì giao lại cho Thiếu Tá Trần Văn Hợp. Anh đi làm Lữ Đoàn Phó Lữ Đoàn 147 TQLC, và sau đó làm Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 369 TQLC

Anh là một sĩ quan giỏi, không bao giờ biết đến đồng xu các bạc nào của anh em. Không làm điều gì mất danh dự của Quân Đội và TQLC. Anh mất đi để lại cho tôi niềm luyến tiếc.

* * *

Tư Lệnh TQLC Thiếu Tướng Bùi Thế Lân

Chọn một đại đội trưởng TQLC đã là một điều khó, cấp chỉ huy ở trên phải cân nhắc kỹ lưỡng, nhất là về khả năng và tác phong, vì dưới quyền chỉ huy tác chiến của họ luôn luôn có trong tay hơn một trăm sinh mạng. Vậy thì chọn tiểu đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng là một việc vô cùng hệ trọng.

Tôi đã chọn Phúc làm tiểu đoàn phó, tiểu đoàn trưởng, lữ đoàn phó, rồi lữ đoàn trưởng thì đủ biết Phúc có đầy đủ tư cách và khả năng. Trong bảy ngày cuối cùng ở Hạ Lào, tôi chỉ còn làm việc trực tiếp với Phúc, và anh là người có công nhất trong giai đoạn rút quân khỏi Hạ Lào.

Bố tôi và bố Phúc là bạn thân cùng trường, trong ngành kỹ sư, nhưng chưa bao giờ hai cụ đề cập với tôi về chuyện Phúc ở TQLC, và anh cũng chẳng bao giờ quan tâm tới điều này.

Điều Phúc quan tâm là *lính no hay đói*, Phúc không biết gì về tiền bạc cả.



Trung Tá Lữ Đoàn Trưởng Nguyễn Xuân Phúc (đứng giữa).

Trâu Điền Tô Văn Cáp.

Đang vui với đồng đội ở Tiểu Đoàn 5 TQLC, chỉ vì tội bóc đồng, tôi bị lãnh 15 ngày trọng cấm, ngồi tù Quân Cảnh 202 rồi bị đổi về Tiểu Đoàn 2 TQLC khiến tôi buồn lắm! Tháng 6/1966, trình diện Đại Đội Trưởng Đại Đội 4 Tiểu Đoàn 2 tại Đà Nẵng, tôi tiến tới đứng nghiêm đưa tay chào Đại Đội Trưởng Nguyễn Xuân Phúc và xưng danh đứng quân phong quân kỹ, nhưng “ông ta” vẫn ngồi dựa lưng vào ghế, hai chân gác lên mặt bàn, tay cầm điều thuốc lá Ruby Queen gõ gõ lên hộp quẹt Zippo. Hồi lâu ông cười ruồi rồi hát hàm nói:

- Ông đánh lộn bên Tiểu Đoàn 5 rồi về đây kiểm tôi nữa phải không?

Đã từng nghe danh nghệ thuật trị những tên “ba-gai” của ông niên trưởng này từ lâu, nay đụng mặt trong hoàn cảnh này khiến tôi đành phải cắn môi đến rớm máu để nuốt cục buồn, bụng muốn trả lời..., nhưng thôi, tôi đành im lặng!

Sau khi tỏ vẻ lạnh nhạt, ông đứng dậy quẹt lửa, châm thuốc hút, nhả khói rồi chậm rãi bước đi, miệng nói:

- Ông cạo râu đi rồi tìm Trung Úy Đại Đội Phó mà trình diện.

Đại Đội Phó là Tr/Úy Trần Văn Hợp - người bạn cùng Khóa 19 với tôi, hẳn mới mang xe GMC đến đón tôi tại Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn trong Quân Trấn Đà Nẵng. Gặp hẳn tôi mừng vội tiến tới chào, nhưng hẳn không bắt tay, hay nói gì cả mà chỉ tôi lên ngồi phía sau GMC, còn hẳn thì lên ngồi một mình trên “cabin”, dù cabin GMC dư sức ngồi hai người. Đó là lý do tôi không thêm trình diện Đại Đội Phó Hợp nữa, mà đi tìm chỗ khuất trong khu “biu đĩnh” xây dở dang, rồi giăng võng nằm ẩn mình trong bóng tối suy nghĩ sự đời.

Công bằng mà nói, chả cấp chỉ huy nào muốn nhận những tên “ba-gai” từ đơn vị khác chuyển đến, nhưng tôi không ngờ chỉ vì một phút bốc đồng mà tôi bị bạn đồng khóa và đàn anh ở đơn vị mới khinh thường đến thế!

Đang co mình trong góc tối để suy nghĩ tình đời thì tôi nhận hung tin từ đơn vị cũ mà tôi vừa mới rời khỏi là Tiểu Đoàn 5 TQLC đụng trận và thiệt hại nặng tại Mộ Đức Quảng Ngãi, Th/Tá Tiểu Đoàn Trưởng Dương Hạnh Phước, cố vấn Mỹ, bác sĩ Lê Hữu Sanh đều tử trận! Riêng Đại Đội 4 cũ của tôi thì thiệt hại 3/4 quân số! Tr/Úy Đại Đội Trưởng Dương Bửu Long bị thương, hai Trung Đội Trưởng là Trần Tử Phương và Thảo tử trận, còn Th/Úy Lê Đình Quý (K20VB) và Ch/Úy Nguyễn Văn Lộc (K17/TĐ) bị VC bắt*. Tất cả họ là anh em, đồng đội thân thiết của tôi!

*(*Sau Lộc trốn thoát, còn Quý, tôi 1972 mới được thả do trao đổi tù binh.)*

Đến đơn vị mới thì họ không cần, đơn vị cũ thì gặp đại nạn, bạn bè, đồng đội đang cần tôi thì tôi lại “trốn” trong một xó tối! Quá chán nản, tôi xách ba lô ra đi. Chưa biết đi đâu, có thể tìm về đơn vị cũ hay bỏ về Sài Gòn chơi cho đỡ ghét thì Th/Úy Nguyễn Quốc Chính (K20VB) Trung Đội Trưởng TrĐ41/ĐĐ4 xuất hiện đúng lúc, Chính nói:

- Anh đừng đi, họ “thử lửa” anh đây. Chính anh Phúc xin anh về đại đội.

Nói xong, Chính mời tôi điếu Ruby và hóp café sữa rồi ngồi tâm tình nên tôi hiểu phần nào thế sự, tự ái được vuốt. Vả lại, gặp tình thế này thì tôi đành “phải thế”, ở lại coi “sẽ ra sao ngày sau” rồi sẽ tính. Trước mắt là lòng tôi được sưởi ấm bằng tình cảm của một đàn em dù mới chỉ gặp lần đầu.

Trong thời gian này, Tiểu Đoàn 2 TQLC chịu trách nhiệm an ninh trật tự trong vụ “Biến Động Miền Trung”, giải tòa bàn thờ “xuống đường”. Đại đội trưởng không giao nhiệm vụ và nói năng gì với tôi cả, tôi cũng chẳng cần xin việc. Vài ngày sau, “xếp” gọi tôi ra lệnh:

- Ông xuống nhận Trung Đội 43 để sáng sớm mai đi hành quân.

Trung Đội 43 chưa có sĩ quan trung đội trưởng, nhưng ông Đại Đội Trưởng muốn làm khó tôi nên tôi cũng không hỏi thêm bất cứ điều gì, tôi bắt cần. Tôi gọi Trung Đội Phó là Trung Sĩ Tuyết, truyền lệnh vắn tắt:

- “Chuẩn bị sáng mai đi hành quân.”

Tiểu Đoàn 2 TQLC tiến quân dọc theo những xóm làng dọc ven biển, đụng địch tại mục tiêu Phù Liêu Gia Đặng, rồi quân ta truy kích địch về tới ngã ba sông Vĩnh Định, thôn Bích La, Quảng Trị. Địch hết đường thoát nên tử thủ tại đây nhưng rồi cũng bị Tiểu Đoàn 1 và 2 đánh tan. Suốt cuộc hành quân này Đại Đội Trưởng Nguyễn Xuân Phúc luôn để trung đội tôi leo đèo theo sau và không hề ra lệnh hay nói năng gì cả.

Tại Phù Liêu, khi cánh quân đi đầu nổ súng, Thiếu Úy Kiệt (K20/VB) tử thương thì ở phía sau, VC bắt ngờ “độn thổ” từ dưới cát chui lên, tấn công vào Trung Đội 43 của tôi. Anh em đã nhanh chóng phản ứng cấp thời, không hề hấn gì mà VC còn bỏ lại vài cây AK, vài xác chết. Tôi báo lên đại đội nhưng xếp Phúc vẫn im lặng, không lên tiếng khen chê. Đại đội tiếp tục truy kích giặc đến thôn Bích La Quảng Trị.

Tại Bích La Thôn, VC bị Tiểu Đoàn 1 và 2 dồn vào cửa tử, ngã ba sông Vĩnh Định, nên lợi dụng đêm tối, buộc chúng phải liều mình thoát thân. Khi chúng lợi men theo bờ sông, đã đụng phải tuyến phòng thủ Trung Đội 43 với lựu đạn gài và mìn claymore khiến chúng bỏ lại hơn chục mạng.

Sáng hôm sau ngồi trên miệng hố, tôi đang nghĩ về những cái chết quá dễ dàng thì thấy Đại Đội Trưởng đi đến. Tôi làm bộ như không biết để khỏi phải đứng dậy chào. Khi tới sau lưng tôi, ông lên tiếng rồi đưa ca nhôm cả phê cho tôi và nói:

- Làm hợp đi cho âm bụng. Chú mày làm ăn được đấy.

- Cám ơn Trung Úy, anh em Trung Đội 43 giỏi, chứ không phải tôi.

Ở đơn vị tác chiến, khi đàm ẩm, thân thiện thì anh em nhà Võ xưng hô với nhau là “ông anh, niên trưởng” và “chú mày”. Đại Đội Trưởng đã gọi tôi là “chú mày” và cho uống cả phê đường, nhưng vì ác cảm lúc đầu, và thái độ coi thường nên tôi trả lời và gọi đúng cấp bậc nhà binh chớ không có “ông anh” gì cả. Phải giữ đúng nguyên tắc quân phong quân kỷ, như SVSQ cán bộ K17 đã dạy tân khóa sinh:

- ”Trong quân đội chỉ có tôi chứ không có em.”

Đại Đội Trưởng ra lệnh cho tôi thu lượm vũ khí, căn dặn chi tiết rõ ràng hơn:

- “Phải cẩn thận!”

Đường như anh không thêm đề ý đến cử chỉ khó chịu của tôi, trái lại còn mỉm cười. Anh im lặng móc thuốc hút và đưa tôi một điếu, rồi đi đến vị trí phòng thủ Trung Đội 41 của Nguyễn Quốc Chính.

Đây là lần đầu tiên anh trực tiếp ra lệnh cho tôi, những lần trước chỉ cho lệnh qua các hiệu thính viên. Thái độ thân thiện này của anh làm dây thần kinh tôi bớt căng thẳng, tự ái được vượt nên tôi phải nhìn lại bản thân mình.

Sau một đêm vất vả với súng đạn nhưng được bình an, sáng

sớm trời lạnh, nhìn xác địch trước tuyến mà lại còn được một ngụm cafe nóng, rít một hơi thuốc, ngửa mặt lên trời nhả khói vòng tròn là niềm hạnh phúc nhất của lính đánh giặc. Điều thuốc đầu ngày làm tôi sáng khoái, nhất là điều thuốc từ tay “xếp”, một người mà tôi ghét cay ghét đắng ngay từ khi về trình diện.

Hình như tôi say thuốc, nhìn qua khói thuốc, tôi thấy đáng anh đi đầy vẻ tự tin với thái độ “kẻ cả”, tôi chợt nhận ra cử chỉ của mình vừa rồi đầy mặc cảm tự ti! Còn anh, *tuy thấp hơn tôi nhưng anh lại cao hơn tôi một “cái đầu”*.

Tay tôi mân mê điều thuốc hút dở dang, điều thuốc in dấu tay của Đại Đội Trưởng Nguyễn Xuân Phúc. Có lẽ điều thuốc đó đã làm thay đổi thái độ bất cần đời của tôi, nay tôi còn nhớ đó là điều thuốc lá Ruby Queen đựng trong bao màu tím nhạt. Phong cách “*người lớn*”, rộng lượng của cấp chỉ huy hay hành động ích kỷ có thể làm thay đổi cuộc đời của một thuộc cấp. Thái độ “*người lớn*” của anh Phúc khiến tôi không còn là một con “*ngựa non háu đá*”.

Sau khi ổn định tình hình vụ “Biến Động Miền Trung”, đánh đuổi quân VC từ Phù Lưu, Gia Đăng đến Bích La Thôn, Chiến Đoàn B TQLC trở lại Huế dự mừng lễ Chiến Thắng. Một số quân nhân được ân thưởng huy chương và thăng cấp, trong đó có Thiếu Tá Lê Hằng Minh được vinh thăng trung tá.

Chiến Đoàn B tiếp tục hành quân, Bộ Chỉ Huy Chiến Đoàn và Tiểu Đoàn 1 xuôi Nam, tăng phái cho Sư Đoàn 2 BB tại Quảng Ngãi. Tiểu Đoàn 2 tăng phái cho Sư Đoàn 1 BB tại Quảng Trị.

Sáng 29-6-1966, Tiểu Đoàn 2 rời ngã ba cầu An Hòa đi Quảng Trị. Đoàn xe vừa qua khỏi cầu Phò Trạch, Phong Điền thì bị phục kích. Địch từ hai bên đường độn thổ lên cận chiến ngay. Tiểu Đoàn Trưởng -Trung Tá Lê Hằng Minh- cùng hơn 40 quân nhân tử trận, hơn 100 người bị thương, trong đó có anh Phúc, Hợp, và tôi.

Trần Văn Hợp và tôi tiếp tục ở lại cùng đơn vị, riêng anh Phúc bị đạn xuyên từ ngực trở ra sau lưng nên anh phải nằm bệnh viện Nguyễn Tri Phương, Huế. Không ai giải thích được vì sao anh may mắn thoát chết với vết thương như thế. Chúng tôi chúc anh may mắn, nhưng anh không cho là may mắn mà còn “nói phét”, chửi tụi VC bắn dở. Đúng là khôì hài kiêu Nguyễn Xuân Phúc.

Chỉ sau một thời gian ngắn nằm bệnh viện, anh trở lại đơn vị, anh làm Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 2 thay thế cho Đ/Úy Hay (Chùa). Tân Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 là Đồ Sơn Th/Tá Ngô Văn Định

Khi anh Phúc lên làm Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 2 thì Trần Văn Hợp lên làm Đại Đội Trưởng Đại Đội 4, còn tôi được lên làm Đại Đội Phó Đại Đội 4. Được sống gần và sinh hoạt chung, chúng tôi thấy anh luôn tự tin, khảng khái, không bao giờ xun xoe với thượng cấp. *Đàn em học được nơi anh kinh nghiệm tác chiến và xử thế, nhất là tình huynh đệ.*

Một thời gian sau, anh được điều động đi làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 6 TQLC. Trước khi đi, anh khuyên nhủ và gần như cảnh cáo tôi:

- Tao đi rồi, chú mày phải cẩn thận, đất dụng võ ở TQLC hẹp lắm. Mày đã phạm một lỗi lầm lớn.

Tôi sống với Anh Phúc một thời gian ở Tiểu Đoàn 2, từ thái độ khinh rẻ (thử thách) tôi lúc ban đầu, nay ra đi đơn vị mới Anh ân cần căn dặn những điều cần thiết. Tôi hiểu ý anh, nên “*con ngựa chúng*” trong tôi đã bị Anh khuất phục.

Anh làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 6, trong trận Mậu Thân đạn lại xuyên cổ, pháo cào rách mặt, sau khi xuất bệnh viện anh về làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn Yểm Trợ Thủy Bộ. Chỉ trong một thời gian ngắn, Tháng 1/1969 anh trở lại làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 Trâu Điền thay thế Đồ Sơn khi Đồ Sơn bị trọng thương trong cuộc hành quân U Minh.

Khi Anh trở lại nắm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2, Tiểu

Đoàn Phó là Th/Tá Nguyễn Kim Đễ, Ban Ba là Tr/Úy Nguyễn Kim Thân, các đại đội trưởng là Đ/Úy Trần Văn Thương Đại Đội 3, Trần Văn Hợp Đại Đội 4, Vũ Đoàn Dzoan Đại Đội 2, Tô Văn Cấp Đại Đội 1. Đại đội phó là các Tr/Úy Lâm Tài Thạnh, Phạm Văn Tiền v.v...

Với thành phần sĩ quan như vậy thì anh Phúc “khỏe re” và cũng là thời gian vui nhất, cùng làm, cùng chơi vì đại đa số còn độc thân, nhậu ào ào nhưng khi vào việc thì đầu ra đó, không la ó. Khi đụng trận mới thấy cái bình tĩnh của anh, anh không hồi thúc la ó, cứ đề cấp đại đội thoải mái phối hợp với nhau tùy tình hình, thỉnh thoảng anh xen vào câu ngắn gọn:

- “Cần gì không?”

Thuộc cấp nào cũng thích kiểu chỉ huy này thay vì sốt sắng quá, hồi thúc thuộc cấp với lệnh:

- “Bằng mọi giá phải chiếm cho được mục tiêu.”

Khi Th/Tá Tiểu Đoàn Phó đi phép để chuẩn bị thành lập đơn vị mới. Đ/Úy Trần Văn Thương chuyển thì anh Phúc phân vân khi phải chọn một trong ba Đại Úy Đại Đội Trưởng còn lại lên trám chỗ tiểu đoàn phó. Cả ba đại đội trưởng này đều thuộc Khoá 19, đều có khả năng và đánh đấm như nhau, hơi khó chọn nên anh cứ “thả nổi”. Tới khi Tiểu Đoàn chuẩn bị đi hành quân ở Chương Thiện thì anh gọi tôi lên ra lệnh:

- Chú mày giao Đại Đội 1 lại cho Tr/Úy Lâm Tài Thạnh, sang coi Đại Đội 3 của Thương (chuyển chuyển) và tạm thời coi luôn “cánh B”.

Tôi bị bất ngờ nên hỏi lại:

- Sao lại tôi? Còn hai thằng Hợp và Dzoan đâu? Tụi nó là dân kỳ cựu Tiểu Đoàn 2, nhất là Hợp, nó lên trung úy trước tôi và làm đại đội phó cho anh từ lâu.

- C.! Nhưng nó đi Mỹ nên lên đại úy sau mày. Cứ bàn giao đại đội cho Thạnh ngay, đi hành quân chuyển này xong rồi về tính sau.

Chẳng phải quân tử “Tàu”, đã chọn nghiệp lính mà được đàn anh nâng đỡ thì còn gì bằng, nhưng cũng phải “biết mình, biết người” cho phải phép, vì Hợp gốc Đại Đội 4 Tiểu Đoàn 2, học trò cưng của anh Phúc. Chỉ kẹt một sợi tóc, vì thời gian trận Mậu Thân 1968, Hợp đang du học tại Mỹ nên cái lon đại úy của hắn ít thâm... hơn của tôi nên anh chọn tôi đi cánh B.

Muru sự do Anh, thành sự tại cái số của tôi nó đen-đen làm sao ấy! Trong cuộc hành quân này, anh Phúc coi cánh A với Đại Đội 1 của Thạnh và Đại Đội 4 của Hợp, tôi đi cánh B với Đại Đội 3 và Đại Đội 2 của Dzoan.

Nhưng rồi trong chuyến hành quân này, tôi bị trọng thương (*gãy chân tay*) trên kinh Cán Gáo, Chương Thiện, bị loại khỏi vòng chiến, rời Tiểu Đoàn 2 luôn (9/1969).

Sau đó anh chọn Hợp coi cánh B và đề nghị đưa Dzoan đi làm phó ở tiểu đoàn khác. Nhưng Dzoan không chịu đi để tiến thân mà cứ đòi mài sừng làm Trâu. Sau khi tôi bị thương ít lâu thì Dzoan cũng bị thương và già từ vũ khí.

Trong thời gian hơn một năm tôi nằm bệnh viện, mỗi khi Tiểu Đoàn về hậu cứ (Thủ Đức) tái trang bị là anh Phúc ghé thăm tôi tại bệnh viện với một cây thuốc lá Ruby Queen và câu quen thuộc:

- C.! Chú mày làm tao mất hứng!

Bị anh sỉ vả mà tôi vẫn vui và nhớ mãi, nhớ nụ cười chúm chím rất có duyên của Anh với cái sẹo ngang mặt.

Khi tôi ra hội đồng y khoa, được phân Loại Hai vĩnh viễn, được phép rời Binh Chung, hoặc có thể giải ngũ. Tôi buồn nên tìm đến anh, nhờ can thiệp cho tôi tiếp tục ở lại TQLC. Vì vậy mà tôi lại được gặp anh lần cuối cùng trên bờ biển...

Lần Cuối Cùng Với Anh.

Những ngày tháng 3/1975, khi chiến trận bùng nổ khắp nơi, theo lệnh của Tổng Thống, Tr/Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn I cho Sư Đoàn Nhảy Dù rút khỏi Đà Nẵng để về Sài Gòn làm

tổng trừ bị, Sư Đoàn TQLC sẽ tái phối trí quân lại để trám vào chỗ trống do Nhảy Dù rút đi. Cuộc thay quân bắt đầu ngày 14/3/75.

TQLC chỉ để Lữ Đoàn 147 TQLC ở lại Quảng Trị, Huế, còn Lữ Đoàn 258 TQLC thay Lữ Đoàn 2 Dù khu vực Bắc Hải Vân. Lữ Đoàn 369 TQLC thay Lữ Đoàn 3 Dù khu vực Đại Lộc, Lữ Đoàn 468 TQLC từ Sài Gòn ra thay Lữ Đoàn 1 Dù trên đèo Hải Vân.



Tại Cổ Thanh Quảng Trị, 1972.

Thời gian này, Lữ Đoàn 369 TQLC của Tr/Tá Nguyễn Xuân Phúc, Lữ Đoàn Phó là Tr/Tá Đỗ Hữu Tùng gồm có 3 tiểu đoàn là: Tiểu Đoàn 2 của Th/Tá Trần Văn Hợp, Tiểu Đoàn 6 của Tr/Tá Lê Bá Bình, Tiểu Đoàn 9 của Th/Tá Lâm Tài Thạnh. Lữ Đoàn 369 TQLC thay thế Lữ Đoàn 3 Dù vùng Thường Đức, Đại Lộc phía Tây Đà Nẵng xong vào ngày 16/3/75.

Ngày 28/3/75 Lữ Đoàn 369 TQLC được lệnh di chuyển về phòng thủ căn cứ Non Nước, Đà Nẵng. Nhưng chỉ có Tiểu Đoàn 2 và 6 đã về đến nơi vào rạng sáng 29/3, còn Tiểu Đoàn 9 của Th/Tá Lâm Tài Thạnh thì ở quá xa nên vẫn còn tiếp tục trên đường di chuyển và chỉ về đến nơi vào chiều tối 29/3/75 (và Tiểu Đoàn 9 phải đơn phương chiến đấu suốt đêm 29/3 với lực lượng địch với quân số gấp bội)

Khoảng 12 đêm 28/3, Tr/Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn I đến

với Sư Đoàn TQLC và ông ở lại trong Trung Tâm Hành Quân Sư Đoàn TQLC trong căn cứ Non Nước cho tới sáng 29/3, thì Ông cùng với TQLC bơi ra tàu Hải Quân tại bờ biển Non Nước.

Khoảng 6.30 giờ sáng 29/3/1975, không khí trong Trung Tâm Hành Quân Sư Đoàn quá nóng và ngột ngạt (có mặt trời ngời trong đó). Tôi bước ra ngoài để hít thở không khí bờ biển thì thấy anh Phúc, anh Tùng và Trần Văn Hợp đứng nói chuyện trước cửa Trung Tâm Hành Quân. Anh Tùng nói máy liên lạc với Tiểu Đoàn 9 đang trên đường rút về.

Khoảng 7 giờ sáng, khi có 2 tàu LSM của HQ tiến vào bờ biển Non Nước, lần lượt Trung Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn I đi cùng với Đ/Tá Tango Tư Lệnh Phó TQLC, Tr/Tá Chỉ Huy Trường Pháo Binh Đặng Bá Đạt, Tr/Tá Nguyễn Văn Phán (lúc này anh Phán là Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn Tổng Hành Dinh), Phòng 3 và Trung Tâm Hành Quân theo sau. Trước khi ra tàu HQ, tôi đứng nghiêm chào hai anh Phúc và Tùng.

Hai anh vẫn đứng tại đó, tiếp tục liên lạc với Tiểu Đoàn 9 đang trên đường rút về.

Bằng đủ mọi cách để mưu sinh thoát hiểm “vượt sông”, tôi, Th/Tá Phạm Văn Sắt, Th/Tá Phan Công Tôn đã vượt sóng bám vào dây để được kéo lên tàu, trong khi đó thì Đ/Úy Nguyễn Văn Hưởng được kéo lên nửa chừng thì tuột tay rớt trở lại xuống biển và mất tích.

Khoảng 10 giờ sang 29/3/75, khi 2 tàu LSM đang tiếp tục kéo vớt những “cọp biển” thì VC pháo kích, vài quả đạn rơi quanh tàu, nên tàu lui ra khơi. Sông nước kéo theo nhiều, nhiều cọp biển về “thủy cung”! Trên bờ, nơi hai Anh Phúc Tùng đứng thì một cơn bão lửa sấm sét mù trời khiến nhiều người về “thiên quốc”! Hai Anh Phúc Tùng “mất tích” từ giờ phút đó!

Bình thường như những người bình thường, thì hai anh đã

lên được LSM, nhưng các anh là cấp chỉ huy lý tưởng, ở lại để điều động đơn vị và có lẽ hai Anh đã ở lại đó mãi mãi. Tôi không bao giờ gặp lại hai anh Phúc, Tùng nữa!

Có người nói hay viết rằng thấy hai Anh lên trực thăng, có người nói hình như hai Anh lên tàu, lại còn có bố (láo) nghe tiếng anh kêu gọi thuộc cấp rút lên đỉnh Sơn Chà tử thủ!

Không thấy tận mắt chuyện gì xảy ra, thì xin đừng “thần thánh hoá” và cũng không nên bịa chuyện làm mờ những tấm gương sáng

Lần đầu tiên, khi trình diện Tiểu Đoàn 2 tại Đà Nẵng, năm 1966, tôi gặp Đại Đội Trưởng Đại Đội 4 Nguyễn Xuân Phúc thì lần sau cùng tôi gặp Tr/Tá Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 369 Nguyễn Xuân Phúc cũng tại Đà Nẵng. Không ngờ đó là lần sau cùng tôi gặp Anh!

Anh Phúc không cho tôi huy chương, cấp bậc; tiền bạc thì lại càng không vì Anh quá nghèo. Tôi ghét cay ghét đắng, có thể nói là hận Anh ngay từ khi mới đến trình diện. Nhưng “*ở lâu mới biết lòng người có nhân*”, với phong cách chỉ huy và tài lãnh đạo, cung cách “*sống đẹp*” với người xung quanh đã khiến tôi kính và phục Anh, nếu không muốn nói Anh là “*thần tượng*” của tôi. Không chỉ riêng tôi, mà khi tiếp xúc với những người biết Anh, những ai từng làm việc với Anh thì hầu như tất cả đều dành cho Anh sự ngưỡng mộ, cảm tình yêu mến.

Nửa đường gãy gánh, con đường binh nghiệp Anh chưa thành công, nhưng anh đã thành danh. Nay ở một nơi nào trên Thiên Quốc, anh đang cười, ngất ngưỡng ly rượu cầm tay, tay kia đánh nhịp hát: “Trấn Thủ Lưu Đôn”./.

Đám Cưới Nhà Binh

Võ Ý, K17

(Câu chuyện có thể thật, có thể tưởng tượng. Nếu có sự trùng hợp là do ngẫu nhiên. Mong người đọc thông cảm. Tác giả)

Bản nhạc Đám Cưới Nhà Binh ra đời mùa Xuân năm 1969, một năm sau trận Mậu Thân 1968. Sau biến cố lừa đảo trắng trợn đó, rất nhiều thanh niên nhập ngũ theo lời kêu gọi của chính quyền Miền Nam để chống lại sự độc ác dã man của Cộng Sản đối với người dân.

Dù vậy, trước và sau năm 1968, rất nhiều ca khúc ra đời để ca ngợi cuộc sống người chiến sĩ Quân Lực VNCH, ngoài nhiệm vụ thiêng liêng là bảo vệ đất nước và người dân trước hiểm họa xâm lăng của Cộng Sản Miền Bắc, còn ngợi ca cuộc sống hào hùng đầy tình dân tộc của người quân nhân.

Ảnh hưởng tích cực của các ca khúc này là có thật, trên mặt trận Tâm Lý Chiến, đã góp phần vào mục đích hun đúc ý chí hy sinh phục vụ của người chiến sĩ tự do. Những nhạc lính như là liều thuốc bổ, là thức ăn tinh thần hầu khích lệ hay xoa dịu những gian khổ của người lính chiến khi băng rừng vượt thác, khi giao tranh hoặc cận kề nổi chết.

Rất nhiều tác giả sáng tác nhiều bài hát ngợi ca tình lính, tình quê hương được biết như Trần Thiện Thanh, Hoàng Thi Thơ,

Nhật Ngân, Trịnh Lâm Ngân, Nguyễn Văn Đông, Phạm Duy, Nguyễn Hiền, Phạm Đình Chương, Minh Kỳ, Văn Phụng...

Rất nhiều ca khúc được quân dân cán chính Việt Nam Cộng Hòa ưa chuộng cho tận ngày nay dưới chế độ độc tài Cộng Sản vô thần như *Xin Anh Giữ Trọn Niềm Tin*, *Rừng Lá Thấp*, *Biển Mặn*, *Những Đóm Mắt Hỏa Châu*, *Còn Chút Gì Để Nhớ*, *Một Mai Giã Từ Vũ Khí*, *Đồn Vắng Chiều Xuân*, *Xuân này Con Không Về*, *Nhớ Một Chiều Xuân*, *Cánh Thiệp Ngày Xuân*...

Nhận thấy hầu hết người dân miền Nam vẫn còn quyền luyện những bản nhạc lính truyền cảm và sâu lắng, nhà cầm quyền Cộng Sản nghi ngờ lo sợ nên vào năm 1977, đã ra lệnh cấm trình diễn một số không nhỏ các bài ca trên. Dù vậy, hầu hết người dân cả nước vẫn thích nghe hoặc ngân nga những ca khúc này chứ không riêng gì người dân miền Nam. Điều đó minh chứng một điều hiển nhiên là tiềm ẩn trong ý nhạc lời ca của các ca khúc lính đều mang đậm tính nhân bản (chứ không sát máu) nên dễ dàng đi thẳng vào tâm tư người nghe.

Đầu những năm 1970, ca khúc *Đám Cưới Nhà Binh* đã được hai ca sĩ nổi tiếng Mai Lệ Huyền và Hùng Cường trình diễn, rất được đại chúng tán thưởng, trong đó có giới nhà binh, các chiến sĩ QLVNCH.

Tôi suy đoán, có thể đã có một vài đơn vị trong Quân Đội đã đứng ra tổ chức đám cưới cho quân nhân thuộc quyền theo yêu cầu, như là một công tác Chiến Tranh Chính Trị của đơn vị, nên mới xuất hiện ca khúc này.

Tôi không rõ cách tổ chức lễ cưới của các đơn vị thuộc các Quân Binh chủng bạn ra sao, nhưng Phi Đoàn 118 Bắc Đẩu Pleiku đã tổ chức ba đám cưới nhà binh vào những năm 1972, 1973 tại Pleiku, Qui Nhơn, và Ban Mê Thuột.

Hai trong ba lễ cưới trên đã bị chia loan rẽ thùy vì biến cố 30/04/1975. Lễ còn lại tại Ban Mê Thuột vẫn như “chim liền cánh” tận ngày nay tại thành phố Dallas, tiểu bang Texas.

Xin quên đi những tan vỡ chia lìa vì nghịch cảnh. Ở đây, tôi

xin nhắc lại hình ảnh thăm thiết thủy chung của đôi uyên ương còn dìu nhau đến cuối cuộc đời.

Vào chuyện này xưa...

Chàng từ Pleiku, biệt phái Ban Mê Thuật. Ban ngày bay hành quân với Tiểu Khu và các đơn vị thuộc Khu 23 Chiến Thuật. Ban đêm về nghỉ tại Hội Quán Sĩ Quan. Cơm hàng cháo chợ, đôi khi cơm sậy, bánh mì cầm hơi. Những khi rảnh rỗi, chàng đi nhà thờ:

*Con quỳ lạy Chúa trên Trời,
Sao cho con lấy được người con thương...*

(Thơ Nhất Tuấn, Phạm Duy phổ nhạc)

Bỗng một hôm, chàng gặp nàng tại nhà thờ với hai mắt buồn nảo nùng. Chàng bị cú sốc, sững sờ, ngây ngất. Ánh mắt xa xăm ám ảnh ngày đêm nên chàng tìm mọi cách theo đuổi. Phải công nhận chàng li lợm, dai như đĩa dói. Đúng là “đẹp trai không bằng chai mật”!

Đời nàng thật bất hạnh. Nàng đã đã trải qua một mối tình đầy uất hận, vì người ta (cũng là quân nhân tại địa phương) đã phụ nàng sau khi vùi dập một cành hoa. Hai mắt buồn sâu lắng của nàng còn ẩn chứa bao thù hận cánh đàn ông sở Khanh gian dối và lừa gạt. Nàng đi nhà thờ là để cầu xin Thiên Chúa rủ lòng thương xót mà xoa dịu nỗi uất hận xé lòng, không ngờ gặp chàng...

Cũng có thể, lời cầu nguyện của chàng quá khẩn thiết, quá chân thành đến nỗi Chúa cũng xiêu lòng hướng gì người trần mắt thịt! Vì thế, chẳng bao lâu sau, nàng chấp nhận tình yêu chân thành của chàng.

Và từ đó, hai con tim đã biết vui trở lại.

Một năm sau, hai người quyết định đi đến hôn nhân. Chàng là phi công Lê Thiên Di thuộc Phi Đoàn 118, xin gặp riêng tôi để thổ hết về cuộc tình của chàng với nàng và nhờ tôi đứng ra làm lễ cưới tại nhà thờ, đặt gia đình trước một việc đã rồi. Lý

do, theo chàng, lễ cưới Công giáo phải theo trình tự từng bước một. Hơn nữa, nếu bố mẹ chàng tham dự lễ cưới sẽ có nhiều bất tiện xảy ra, có thể phá hỏng cuộc hôn nhân một khi họ dò hỏi và biết cô dâu đã qua một đời chồng. *(Điều này do chàng dự đoán hay còn gì bí ẩn khác thì tôi không rõ.)*

Tình yêu trong thời chiến cũng gấp rút, vội vã!

Được biết, người mà Thiên Di xin cưới là cô gái bán sách tại Nhà Sách Văn Hoa thuộc thị trấn Bụi Mù Trời. Cô mồ côi cha mẹ nên nghỉ học sớm. Cô xin việc để phụ giúp gia đình ông Chú bà Thím mà cô đang ăn nhờ ở đậu. Tên cô là Lưu Lệ Khánh, cái tên như vụn vào hai mắt buồn sâu thẳm đó.

Vì là chuyện trọng đại, lại dính líu đến nhà binh nên cần theo nguyên tắc, chứ làm càn làm ẩu, hậu quả khó lường. Tôi báo cho cấp chỉ huy trực tiếp biết chuyện bất ngờ này. Ông Không Đoàn Trưởng Không Đoàn 72 Chiến Thuật Vũ Văn Viết phê thuận, nhưng ông vẫn chưa hình dung ra đám cưới nhà binh.

Trước sự thật thà, chân thành và niềm tin của Thiên Di đặt vào tôi, đơn vị trưởng của anh, làm tôi đắn đo. Sau khi cân nhắc thiệt hơn, tôi quyết định nhận lời thay mặt đảng trai, đứng ra tổ chức Đám Cưới Nhà Binh cho anh với cô Lưu Lệ Khánh vào ngày N giờ G tại nhà thờ Chánh Tòa Ban Mê Thuột.

Trong ngày trọng đại, tôi cùng Biệt Đội 118 tại Ban Mê Thuột và một hoa tiêu bạn cùng khóa với chú rể từ Pleiku đến, đều mặc áo bay màu xám. Chú rể mặc đại lễ Không Quân màu trắng rất đẹp và rất trang nghiêm bên cạnh cô dâu mặc áo cưới cùng màu trắng, trông thật hài hòa và xứng đôi.

Sau nghi lễ Công giáo, vị Linh Mục chủ lễ, là Trung Tá Chánh Tuyên Úy Vùng 2 Chiến Thuật, đọc kinh chúc phúc cho cô dâu chú rể. Các Ki Tô hữu cũng là chiến hữu tham dự buổi lễ đều vui mừng trong ngạc nhiên trước một đám cưới nhà binh trang trọng và hào hùng.

Xong lễ cưới, cô dâu về nhà mình sửa soạn hành trang nhân thể cảm ơn và chào từ biệt Chú Thím để lên xe hoa về nhà chồng.

Xe hoa là chiếc phi cơ U17 (Cessna 185A) sáu chỗ ngồi được trang trí các hoa ny lông và các chữ SONG HỈ màu đỏ dán trước kính chắn gió và cửa sổ hai bên. Cả chú rể và cô dâu đều tỏ ra thích thú trước khi bước lên phi cơ đón dâu này.

Được biết, “Phi Cơ Đón Dâu” là phần thưởng đặc biệt của Đơn Vị dành cho nhân viên phi hành xuất sắc, đã tham dự hành quân không yểm và đã lập chiến công! Ngoài ra, chú rể còn được cấp bảy ngày phép đám cưới nữa.

Sau 30 phút bay, “xe hoa” đã về bến đậu nhà chồng tại phi trường Pleiku. Hầu hết các anh em trong Phi Đoàn đón chào tân lang và tân giai nhân tại cửa phi cơ. Một góc phi đạo 118 bỗng rộn rã tung bừng. Lâu lắm mới có một dịp vui...

Tối hôm đó là tiệc cưới do Phi Đoàn 118 tổ chức. Khách danh dự là vị Tư Lệnh Sư Đoàn 6 Không Quân, ngoài ra còn có các vị sĩ quan Tham Mưu, các vị Không Đoàn Trưởng, Phi Đoàn Trưởng trực thuộc. Vị Sư Đoàn Trưởng cũng cho biết, đây là lần đầu tiên ông tham dự đám cưới nhà binh!

Hôm sau, tôi xin một “phi vụ huấn luyện không hành” bằng phi cơ U17 với phi trình Pleiku – Sài Gòn – Pleiku để “xác định hành quân trên phi cơ U17” cho phi công Lê Hóa Lựu, nhân thể đưa cô dâu về trình diện bố mẹ nhà chồng tại Phú Nhuận.

Chúng tôi đến nhà chú rể lúc một giờ trưa. Cả gia đình đang chuẩn bị đón cô dâu thật rộn ràng. Ông bố là một viên chức tòa Hành Chánh Phú Nhuận, tay bắt mặt mừng và cảm ơn tôi rồi rít thay vì phiền trách. Tôi là Phật giáo, xin thăm cảm ơn Chúa đã phù hộ cho tôi có được thời khắc thuận hòa nên tự tin mở lời:

- Thưa Ông Bà và cả nhà, tôi thật là liều mạng, đã dám thay mặt Ông Bà để tham dự lễ cưới của anh Lê Thiên Di và cô Lưu

Lệ Khánh. Vì hoàn cảnh chiến tranh nên mới có chuyện du di như thế này, mong Ông Bà thứ lỗi.

- Nhân đây, tôi xin thưa để Ông Bà yên lòng là Lễ Cưới đã diễn ra thật trang nghiêm tại Nhà Thờ Chính Tòa Ban Mê Thuột do Cha Chánh Xứ chủ lễ. Nhờ Thiếu Úy Thạch trao các ảnh cưới tại nhà thờ và tại Phi Đoàn cho Ông Bà và gia đình.

- Và hôm nay, chúng tôi mang cô dâu và chú rể về trình diện Ông Bà. Xin chúc mừng Ông Bà có dâu hiền và mong sớm có cháu nội để nối dõi tông đường!

Cả nhà vỗ tay!

(Thật hạnh diện! Tôi thăm cảm ơn Chúa một lần nữa!)

Rồi ngày 30 tháng 4 năm 1975 ập đến, đã hủy diệt biết bao điều tốt đẹp của Miền Nam. Cửa nhà tan tác, đạo lý đảo ngược, cha con ly tán, vợ chồng chia lìa, trong đó có đôi uyên ương Lê Thiên Di và Lưu Lệ Khánh.

Phi công Thiên Di có cơ hội bay thoát cảnh bạo toàn trước ngày đen tối của lịch sử. Anh may mắn được định cư ở Dallas, Hoa Kỳ, đi học lại và tốt nghiệp Kỹ Sư điện toán. Anh chăm chú làm việc để giúp gia đình còn kẹt tại quê nhà. Anh bỏ công tìm kiếm cho bằng được tung tích vợ con.

Cô Lệ Khánh kẹt ở lại với bé gái ba tuổi, chịu bao uất hận nghẹn ngào dưới chế độ bạo tàn. Cô cương quyết nuôi con chờ chồng trong hoàn cảnh thật bi đát, không chỗ dựa, không của cải ngoài lời cầu nguyện ngày đêm...

Sau mười năm chia lìa gian khổ, cuối cùng, Chúa cũng thương người thiện tâm. Lê Thiên Di bắt được tin tức của vợ hiền con dại. Cả hai trôi dạt về tận miền Tây. Anh làm đơn bảo lãnh hai mẹ con qua Dallas, Texas sau hơn mười lăm năm mòn mỏi trông chờ ngày đoàn viên.

Hiện nay, cả hai đã nghỉ hưu và con gái đã thành gia thất. Ông Bà vui hưởng tuổi già bên cạnh con cháu.

Đến cuối đời mới rõ, chuyện trăm năm, theo Phật là do

duyên nợ. Còn bên Công giáo thì “mỗi sợi tóc rơi đều do ý Chúa”, huống gì là chuyện vợ chồng!

Do duyên nợ hay do ý Chúa, nếu có dịp ôn lại chuyện xưa, thì ông bà Lê Thiên Di dễ gì quên chuyện Đám Cưới Nhà Binh tại nhà thờ Chính Tòa Ban Mê Thuật năm xưa, dù ở trần gian hay bất cứ cảnh giới nào...

Khi cao hứng, biết đâu, hai ông bà lại ngân nga:

Đừng chê Anh Lĩnh đám cưới nhà binh, em ơi!

Em sẽ là cô dâu đẹp tuyệt vời.

Đàng trai của anh xe “jeep, xe tăng tàu bay”.

Đám cưới tụi ta linh đình biết mấy!

(Đám Cưới Nhà Binh - Minh Kỳ & Vũ Chương)

Tháng 2/2022

Westminster, Xuân Nhâm Dần





Tâm Sự Người Lính Biệt Động Quân

Cố CSVSQ Vũ Cao Hiến (Hồng Phúc), K24

Nhớ mùa chinh chiến xưa
Miền Tây Nguyên đất đỏ
Núi cao hơn mây mù
Đường về Plei-ze-reng
Sương mù đôn Ben-hét
Quạnh quẽ vùng núi đồi

Tôi người lính mũ nâu
Bạc vai màu áo trận
Dấu chân qua bao lần
Đường hành quân xa xôi
Băng rừng rồi vượt suối
Bao chiến dịch ngược xuôi

Đời người lính, ba lô và cây súng
Bên chiến hào, quanh năm cùng chiếc võng
Tôi vẫn nhớ nhiều về khu phố quạnh hiu
Tôi vẫn nhớ nhiều về đôi mắt người yêu

Bây giờ nơi chốn đây
Buồn da thịt mỗi ngày
Kiếp chung thân lưu đây
Từng thời gian qua đi
Âm thầm buồn lặng lẽ
Xa lắm ngày trở về

Trở lại chốn núi cao
Miền Dak-To nắng đỏ
Gió Chu-Pao oán hờn
Trả lại em Plei-Ku
Nỗi lòng người lính cũ
Chinh chiến của ngày xưa

*(Chư Pao 1485 m cách PleiKu về phía Bắc trên Quốc Lộ
14, khoảng 17 km.)*